

Bộ chỉ số HOSE-Index

Ngày cập nhật: 31/07/2026

HOSE-Index là bộ chỉ số vốn hóa có thể đầu tư được bao gồm các cổ phiếu niêm yết trên Sở GDCK TP.HCM (HOSE) đáp ứng các yêu cầu sàng lọc về tư cách, tỷ lệ tự do chuyển nhượng và thanh khoản. HOSE-Index chiếm hơn 90% giá trị giao dịch và hơn 80% giá trị vốn hóa của toàn thị trường chứng khoán niêm yết tại HOSE.

Cấu trúc Bộ chỉ số HOSE-Index

VNAllshare là chỉ số vốn hóa bao gồm các cổ phiếu niêm yết trên HOSE đáp ứng các yêu cầu sàng lọc về tư cách, tỷ lệ tự do chuyển nhượng và thanh khoản.

VN30 là chỉ số vốn hóa được thiết kế để đo lường mức tăng trưởng của 30 công ty hàng đầu về vốn hóa thị trường và thanh khoản trong VNAllshare.

VNMidcap là chỉ số vốn hóa đo lường mức tăng trưởng của 70 công ty có quy mô vừa trong VNAllshare.

VN100 là chỉ số vốn hóa kết hợp các cổ phiếu thành phần của VN30 và VNMidcap.

VNSmallcap là chỉ số vốn hóa được thiết kế để đo lường mức tăng trưởng của các công ty có quy mô nhỏ trong VNAllshare.

VNAllshare Sector Indices bao gồm các chỉ số ngành với các cổ phiếu thành phần của chỉ số VNAllShare được phân ngành theo chuẩn phân ngành Global Industry Classification Standard (GICS®).

Đặc điểm chung

Mục tiêu

Bộ chỉ số được thiết kế với mục đích tham chiếu cho thị trường và làm cơ sở xây dựng các sản phẩm dựa trên chỉ số như quỹ đầu tư theo chỉ số, sản phẩm phái sinh, ...

Khả năng đầu tư

Bộ chỉ số được sàng lọc và tính toán dựa trên tỷ lệ tự do chuyển nhượng để đảm bảo khả năng đầu tư được.

Thanh khoản

Các cổ phiếu thành phần được sàng lọc về thanh khoản để đảm bảo chỉ số có thể giao dịch được.

Minh bạch

Bộ chỉ số sử dụng các quy tắc xây dựng và quản lý minh bạch. Quy tắc xây dựng và quản lý Bộ chỉ số HOSE-Index được công bố trên trang chủ của HOSE.

Tần suất tính toán

Bộ chỉ số được tính theo thời gian thực hoặc tại cuối ngày giao dịch.

Xem xét định kỳ

Bán niên vào tháng 1 và tháng 7 hàng năm

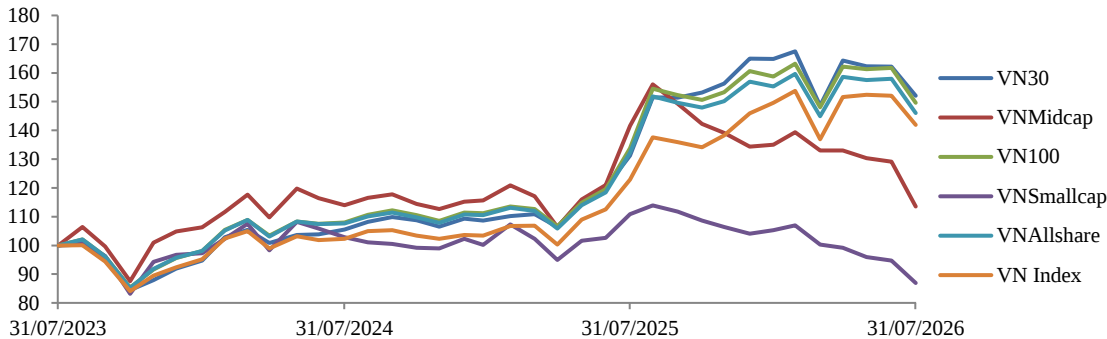
Giới hạn tỷ trọng vốn hóa

10% (VNAllshare Sector không áp dụng)

Phương pháp tính chỉ số

Giá trị vốn hóa điều chỉnh free-float.

Tăng trưởng chỉ số từ 31/07/2023 đến 31/07/2026



* Các chỉ số trên được giả lập tái cơ sở thành 100 vào thời điểm 31/07/2023

Tăng trưởng chỉ số

	Tăng trưởng (%)									Tăng trưởng bình quân năm (%)	
	2023	2024	2025	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm	3 năm	5 năm
VNAllShare	14.75%	15.89%	41.78%	-7.50%	-7.89%	-5.89%	10.44%	46.10%	31.16%	13.47%	5.58%
VN30	8.04%	18.83%	51.18%	-6.20%	-7.45%	-7.77%	15.90%	52.10%	29.36%	15.00%	5.28%
VNMidcap	28.82%	10.39%	16.69%	-12.07%	-14.62%	-15.89%	-19.79%	13.54%	17.88%	4.33%	3.34%
VN100	13.95%	16.62%	44.37%	-7.49%	-7.72%	-5.72%	11.84%	49.66%	32.79%	14.38%	5.84%
VNSmallcap	25.06%	5.92%	1.38%	-8.23%	-12.42%	-17.48%	-21.63%	-13.10%	-7.07%	-4.57%	-1.46%
VN-Index	8.24%	11.93%	40.54%	-6.68%	-6.38%	-5.10%	15.52%	41.94%	32.50%	12.38%	5.79%

Độ biến động chỉ số

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VNAllShare	7.60%	14.77%	21.58%	34.09%	46.20%
VN30	7.68%	15.09%	21.83%	33.62%	45.51%
VNMidcap	9.29%	16.26%	23.95%	39.61%	53.97%
VN100	7.75%	14.99%	21.99%	34.48%	46.51%
VNSmallcap	5.15%	10.89%	15.72%	30.99%	48.07%
VN-Index	8.45%	15.29%	21.11%	32.42%	43.16%

Độ tương quan chỉ số với VN Index

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VNAllShare	95.00%	97.11%	97.18%	98.14%	98.38%
VN30	91.84%	95.27%	95.76%	96.80%	96.84%
VNMidcap	65.85%	79.08%	79.85%	87.71%	89.56%
VN100	94.87%	97.02%	97.13%	98.08%	98.31%
VNSmallcap	61.51%	78.49%	74.46%	83.35%	82.27%

Đặc điểm chỉ số

	VNAllshare	VN30	VNMidcap	VN100	VNSmallcap
Số lượng cổ phiếu thành phần	300	30	70	100	200
Giá trị vốn hóa (Tỷ đồng)	7,444,792	6,086,252	1,100,230	7,186,482	258,310
Giá trị vốn hóa có điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	3,034,769	2,336,074	580,874	2,916,948	117,822
Trung bình	10,116	77,869	8,298	29,169	589
Cao nhất	581,659	581,659	34,835	581,659	5,113
Thấp nhất	9	4,231	1,043	1,043	9
Trung vị	815	47,247	5,684	8,391	319
Tỷ trọng vốn hóa của công ty lớn nhất trong rổ	19.17%	24.90%	6.00%	19.94%	4.34%
Tỷ trọng vốn hóa của 10 công ty lớn nhất trong rổ	54.92%	71.35%	41.60%	57.14%	24.77%

Lưu ý:

"VN30", "VNMidcap", "VNSmallCap", "VN100", "VNAllshare" và "VNAllshare Sector" (gọi chung là "HOSE-Index") là thương hiệu đã được đăng ký, thuộc sở hữu độc quyền của Sở GDCK Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE). Chỉ khi có sự chấp thuận của HOSE thì Bộ chỉ số HOSE-Index mới có thể được sử dụng để tạo ra các sản phẩm liên quan như quỹ đầu tư theo chỉ số, sản phẩm phái sinh, ... Để biết thêm thông tin xin vui lòng liên hệ qua e-mail: index@hsx.vn

Bản công bố này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin. HOSE đã nỗ lực hết mức có thể để cung cấp thông tin chính xác, tuy nhiên sẽ không có nghĩa vụ pháp lý hoặc trách nhiệm nào cho HOSE cũng như ban giám đốc, cán bộ, nhân viên, đối tác hoặc người nhượng quyền của HOSE liên quan đến sai sót hoặc tổn thất gây ra bởi việc sử dụng bất kỳ thông tin hoặc dữ liệu nào thuộc công bố này.



VNAllshare là chỉ số vốn hóa bao gồm các cổ phiếu niêm yết trên HOSE đáp ứng các yêu cầu sàng lọc về tư cách, tỷ lệ tự do chuyển nhượng và thanh khoản.

Đặc điểm chỉ số

	300
Giá trị vốn hóa (Tỷ đồng)	7,444,792
Giá trị vốn hóa có điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	3,034,769
Trung bình	10,116
Cao nhất	581,659
Thấp nhất	9
Trung vị	815
Tỷ trọng vốn hóa của công ty lớn nhất trong rổ	19.17%
Tỷ trọng vốn hóa của 10 công ty lớn nhất trong rổ	54.92%

Thông tin cơ bản

Ngày cơ sở: 24/01/2014
Giá trị cơ sở: 560.19
Hình thức tính: Chỉ số giá và Chỉ số tổng thu nhập
Tần suất tính:
- VNAllshare: Theo thời gian thực (5 giây/ lần)
- VNAllshareTRI: Cuối ngày giao dịch (1 ngày/lần)
Giới hạn tỷ trọng vốn hóa: 10%
Phương pháp tính: Giá trị vốn hóa thị trường điều chỉnh free-float.
Đơn vị tiền tệ: VND

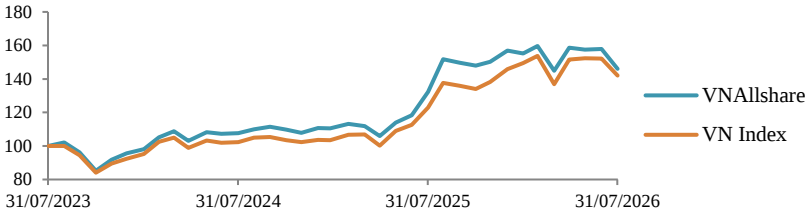
Độ biến động chỉ số

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VNAllshare	7.60%	14.77%	21.58%	34.09%	46.20%

Độ tương quan chỉ số với VN Index

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VNAllshare	95.00%	97.11%	97.18%	98.14%	98.38%

Tăng trưởng chỉ số từ 31/07/2023 đến 31/07/2026

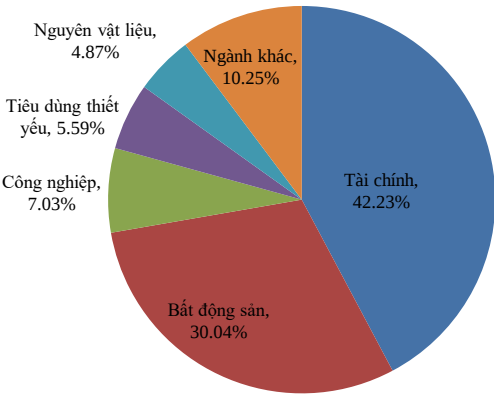


* Các chỉ số trên được giả lập tái cơ sở thành 100 vào thời điểm 31/07/2023

Tăng trưởng chỉ số

	Tăng trưởng (%)									Tăng trưởng bình quân năm (%)	
	2023	2024	2025	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm	3 năm	5 năm
VNAllshare	14.75%	15.89%	41.78%	-7.50%	-7.89%	-5.89%	10.44%	46.10%	31.16%	13.47%	5.58%

Tỷ trọng vốn hóa thị trường theo ngành



10 công ty đứng đầu theo vốn hóa thị trường

	Cổ phiếu	Ngành	GTVH điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
1	VIC	Bất động sản	581,659	19.17%
2	VHM	Bất động sản	182,492	6.01%
3	LPB	Tài chính	147,004	4.84%
4	STB	Tài chính	127,695	4.21%
5	TCB	Tài chính	112,831	3.72%
6	VPB	Tài chính	108,219	3.57%
7	ACB	Tài chính	108,049	3.56%
8	HDB	Tài chính	100,906	3.33%
9	HPG	Nguyên vật liệu	100,767	3.32%
10	FPT	Công nghệ thông tin	97,160	3.20%
Tổng cộng			1,666,783	54.92%

Top 5 ngành đứng đầu theo vốn hóa thị trường

Ngành	Số lượng công ty	GTVH điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
Tài chính	42	1,281,444	42.23%
Bất động sản	44	911,515	30.04%
Công nghiệp	77	213,301	7.03%
Tiêu dùng thiết yếu	25	169,561	5.59%
Nguyên vật liệu	44	147,772	4.87%

Lưu ý:
"VN30", "VNMidcap", "VNSmallCap", "VN100", "VNAllshare" và "VNAllshare Sector" (gọi chung là "HOSE-Index") là thương hiệu đã được đăng ký, thuộc sở hữu độc quyền của Sở GD&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE). Chỉ khi có sự chấp thuận của HOSE thì Bộ chỉ số HOSE-Index mới có thể được sử dụng để tạo ra các sản phẩm liên quan như quỹ đầu tư theo chỉ số, sản phẩm phái sinh, ... Để biết thêm thông tin xin vui lòng liên hệ qua e-mail: index@hsx.vn
Bản công bố này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin. HOSE đã nỗ lực hết mức có thể để cung cấp thông tin chính xác, tuy nhiên sẽ không có nghĩa vụ pháp lý hoặc trách nhiệm nào cho HOSE cũng như ban giám đốc, cán bộ, nhân viên, đối tác hoặc người nhượng quyền của HOSE liên quan đến sai sót hoặc tổn thất gây ra bởi việc sử dụng bất kỳ thông tin hoặc dữ liệu nào thuộc công bố này.

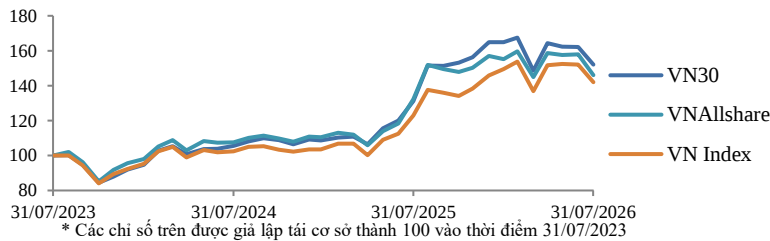


VN30 là chỉ số vốn hóa được thiết kế để đo lường mức tăng trưởng của 30 công ty hàng đầu về vốn hóa thị trường và thanh khoản trong VNAllshare.

Đặc điểm chỉ số

	30
Giá trị vốn hóa (Tỷ đồng)	6,086,252
Giá trị vốn hóa có điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	2,336,074
Trung bình	77,869
Cao nhất	581,659
Thấp nhất	4,231
Trung vị	47,247
Tỷ trọng vốn hóa của công ty lớn nhất trong rổ	24.90%
Tỷ trọng vốn hóa của 10 công ty lớn nhất trong rổ	71.35%

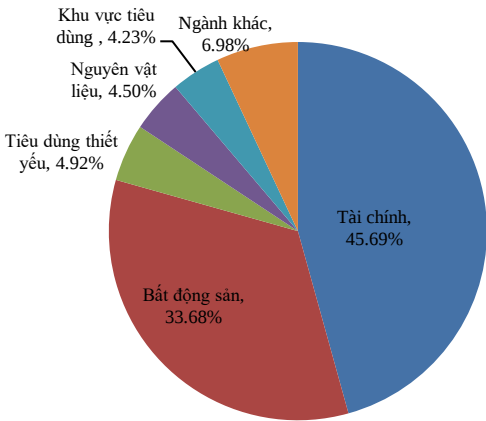
Tăng trưởng chỉ số từ 31/07/2023 đến 31/07/2026



Tăng trưởng chỉ số

	Tăng trưởng (%)									Tăng trưởng bình quân năm (%)	
	2023	2024	2025	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm	3 năm	5 năm
VN30	8.04%	18.83%	51.18%	-6.20%	-7.45%	-7.77%	15.90%	52.10%	29.36%	15.00%	5.28%

Tỷ trọng vốn hóa thị trường theo ngành



Top 5 ngành đứng đầu theo vốn hóa thị trường

Ngành	Số lượng công ty	GTVH điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
Tài chính	15	1,067,377	45.69%
Bất động sản	3	786,693	33.68%
Tiêu dùng thiết yếu	3	114,974	4.92%
Nguyên vật liệu	2	105,167	4.50%
Khu vực tiêu dùng	2	98,779	4.23%

Thông tin cơ bản

Ngày cơ sở: 02/01/2009
Giá trị cơ sở: 313.34
Hình thức tính: Chỉ số giá và Chỉ số tổng thu nhập
Tần suất tính:
- VN30: Theo thời gian thực (5 giây/ lần)
- VN30TRI: Cuối ngày giao dịch (1 ngày/lần)
Giới hạn tỷ trọng vốn hóa: 10%
Phương pháp tính: Giá trị vốn hóa thị trường điều chỉnh free-float.
Đơn vị tiền tệ: VND

Độ biến động chỉ số

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VN30	7.68%	15.09%	21.83%	33.62%	45.51%

Độ tương quan chỉ số với VN Index

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VN30	91.84%	95.27%	95.76%	96.80%	96.84%

10 công ty đứng đầu theo vốn hóa thị trường

Cổ phiếu	Ngành	GTVH điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
1 VIC	Bất động sản	581,659	24.90%
2 VHM	Bất động sản	182,492	7.81%
3 LPB	Tài chính	147,004	6.29%
4 STB	Tài chính	127,695	5.47%
5 TCB	Tài chính	112,831	4.83%
6 VPB	Tài chính	108,219	4.63%
7 ACB	Tài chính	108,049	4.63%
8 HDB	Tài chính	100,906	4.32%
9 HPG	Nguyên vật liệu	100,767	4.31%
10 FPT	Công nghệ thông tin	97,160	4.16%
Tổng cộng		1,666,783	71.35%

Lưu ý:
"VN30", "VNMidcap", "VNSmallCap", "VN100", "VNAllshare" và "VNAllshare Sector" (gọi chung là "HOSE-Index") là thương hiệu đã được đăng ký, thuộc sở hữu độc quyền của Sở GDCK Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE). Chỉ khi có sự chấp thuận của HOSE thì Bộ chỉ số HOSE-Index mới có thể được sử dụng để tạo ra các sản phẩm liên quan như quỹ đầu tư theo chỉ số, sản phẩm phái sinh, Để biết thêm thông tin xin vui lòng liên hệ qua e-mail: index@hsx.vn
Bản công bố này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin. HOSE đã nỗ lực hết mức có thể để cung cấp thông tin chính xác, tuy nhiên sẽ không có nghĩa vụ pháp lý hoặc trách nhiệm nào cho HOSE cũng như ban giám đốc, cán bộ, nhân viên, đối tác hoặc người nhượng quyền của HOSE liên quan đến sai sót hoặc tổn thất gây ra bởi việc sử dụng bất kỳ thông tin hoặc dữ liệu nào thuộc công bố này.

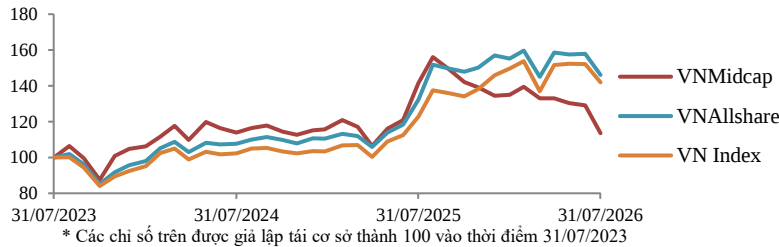


VNMidcap là chỉ số vốn hóa đo lường mức tăng trưởng của 70 công ty có quy mô vừa trong VNAllshare.

Đặc điểm chỉ số

	70
Giá trị vốn hóa (Tỷ đồng)	1,100,230
Giá trị vốn hóa có điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	580,874
Trung bình	8,298
Cao nhất	34,835
Thấp nhất	1,043
Trung vị	5,684
Tỷ trọng vốn hóa của công ty lớn nhất trong rổ	6.00%
Tỷ trọng vốn hóa của 10 công ty lớn nhất trong rổ	41.60%

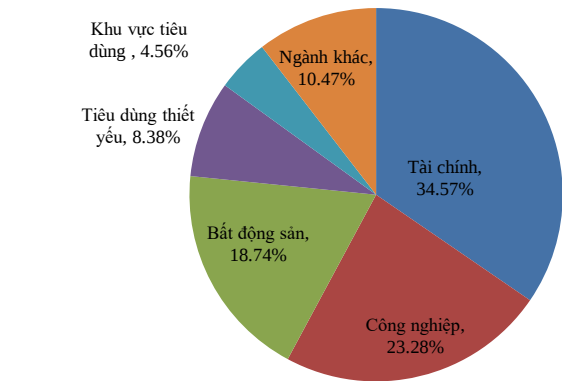
Tăng trưởng chỉ số từ 31/07/2023 đến 31/07/2026



Tăng trưởng chỉ số

	Tăng trưởng (%)						Tăng trưởng bình quân năm (%)			
	2023	2024	2025	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm	
VNMidcap	28.82%	10.39%	16.69%	-12.07%	-14.62%	-15.89%	-19.79%	13.54%	17.88%	4.33%

Tỷ trọng vốn hóa thị trường theo ngành



Top 5 ngành đứng đầu theo vốn hóa thị trường

Ngành	Số lượng công ty	GTVH điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
Tài chính	14	200,785	34.57%
Công nghiệp	18	135,243	23.28%
Bất động sản	14	108,870	18.74%
Tiêu dùng thiết yếu	8	48,653	8.38%
Khu vực tiêu dùng	2	26,512	4.56%

Thông tin cơ bản

Ngày cơ sở: 24/01/2014
Giá trị cơ sở: 560.19
Hình thức tính: Chỉ số giá và Chỉ số tổng thu nhập
Tần suất tính:
- VNMidcap: Theo thời gian thực (5 giây/ lần)
- VNMidcapTRI: Cuối ngày giao dịch (1 ngày/lần)
Giới hạn tỷ trọng vốn hóa: 10%
Phương pháp tính: Giá trị vốn hóa thị trường điều chỉnh free-float.
Đơn vị tiền tệ: VND

Độ biến động chỉ số

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VNMidcap	9.29%	16.26%	23.95%	39.61%	53.97%

Độ tương quan chỉ số với VN Index

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VNMidcap	65.85%	79.08%	79.85%	87.71%	89.56%

10 công ty đứng đầu theo vốn hóa thị trường

	Cổ phiếu	Ngành	GTVH điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
1	MSB	Tài chính	34,835	6.00%
2	VIX	Tài chính	31,854	5.48%
3	GMD	Công nghiệp	31,198	5.37%
4	EIB	Tài chính	26,525	4.57%
5	GEX	Công nghiệp	20,609	3.55%
6	NVL	Bất động sản	20,298	3.49%
7	HCM	Tài chính	20,249	3.49%
8	NAB	Tài chính	20,012	3.45%
9	VND	Tài chính	18,953	3.26%
10	VCI	Tài chính	17,111	2.95%
Tổng cộng			241,643	41.60%

Lưu ý:
"VN30", "VNMidcap", "VNSmallCap", "VN100", "VNAllshare" và "VNAllshare Sector" (gọi chung là "HOSE-Index") là thương hiệu đã được đăng ký, thuộc sở hữu độc quyền của Sở GD&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE). Chỉ khi có sự chấp thuận của HOSE thì Bộ chỉ số HOSE-Index mới có thể được sử dụng để tạo ra các sản phẩm liên quan như quỹ đầu tư theo chỉ số, sản phẩm phái sinh, Để biết thêm thông tin xin vui lòng liên hệ qua e-mail: index@hsx.vn
Bản công bố này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin. HOSE đã nỗ lực hết mức có thể để cung cấp thông tin chính xác, tuy nhiên sẽ không có nghĩa vụ pháp lý hoặc trách nhiệm nào cho HOSE cũng như ban giám đốc, cán bộ, nhân viên, đối tác hoặc người nhượng quyền của HOSE liên quan đến sai sót hoặc tổn thất gây ra bởi việc sử dụng bất kỳ thông tin hoặc dữ liệu nào thuộc công bố này.

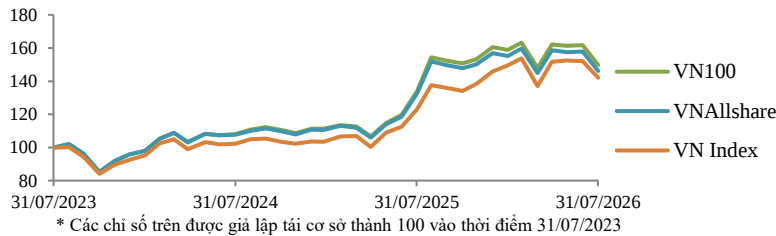


VN100 là chỉ số vốn hóa kết hợp các cổ phiếu thành phần của VN30 và VNMidcap.

Đặc điểm chỉ số

	100
Giá trị vốn hóa (Tỷ đồng)	7,186,482
Giá trị vốn hóa có điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	2,916,948
Trung bình	29,169
Cao nhất	581,659
Thấp nhất	1,043
Trung vị	8,391
Tỷ trọng vốn hóa của công ty lớn nhất trong rổ	19.94%
Tỷ trọng vốn hóa của 10 công ty lớn nhất trong rổ	57.14%

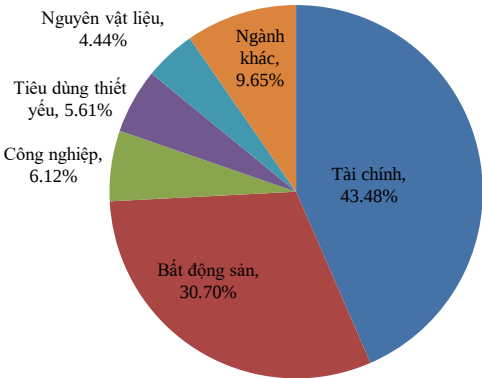
Tăng trưởng chỉ số từ 31/07/2023 đến 31/07/2026



Tăng trưởng chỉ số

	Tăng trưởng (%)						Tăng trưởng bình quân năm (%)		
	2023	2024	2025	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VN100	13.95%	16.62%	44.37%	-7.49%	-7.72%	-5.72%	11.84%	49.66%	32.79%

Tỷ trọng vốn hóa thị trường theo ngành



Top 5 ngành đứng đầu theo vốn hóa thị trường

Ngành	Số lượng công ty	GTVH điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
Tài chính	29	1,268,162	43.48%
Bất động sản	17	895,564	30.70%
Công nghiệp	19	178,505	6.12%
Tiêu dùng thiết yếu	11	163,627	5.61%
Nguyên vật liệu	8	129,583	4.44%

Thông tin cơ bản

Ngày cơ sở: 24/01/2014
Giá trị cơ sở: 560.19
Hình thức tính: Chỉ số giá và Chỉ số tổng thu nhập
Tần suất tính:
- VN100: Theo thời gian thực (5giây/ lần)
- VN100TRI: Cuối ngày giao dịch (1 ngày/lần)
Giới hạn tỷ trọng vốn hóa: 10%
Phương pháp tính: Giá trị vốn hóa thị trường điều chỉnh free-float.
Đơn vị tiền tệ: VND

Độ biến động chỉ số

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VN100	7.75%	14.99%	21.99%	34.48%	46.51%

Độ tương quan chỉ số với VN Index

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VN100	94.87%	97.02%	97.13%	98.08%	98.31%

10 công ty đứng đầu theo vốn hóa thị trường

	Cổ phiếu	Ngành	GTVH điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
1	VIC	Bất động sản	581,659	19.94%
2	VHM	Bất động sản	182,492	6.26%
3	LPB	Tài chính	147,004	5.04%
4	STB	Tài chính	127,695	4.38%
5	TCB	Tài chính	112,831	3.87%
6	VPB	Tài chính	108,219	3.71%
7	ACB	Tài chính	108,049	3.70%
8	HDB	Tài chính	100,906	3.46%
9	HPG	Nguyên vật liệu	100,767	3.45%
10	FPT	Công nghệ thông tin	97,160	3.33%
Tổng cộng			1,666,783	57.14%

Lưu ý:
"VN30", "VNMidcap", "VNSmallCap", "VN100", "VNAllshare" và "VNAllshare Sector" (gọi chung là "HOSE-Index") là thương hiệu đã được đăng ký, thuộc sở hữu độc quyền của Sở GD&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE). Chỉ khi có sự chấp thuận của HOSE thì Bộ chỉ số HOSE-Index mới có thể được sử dụng để tạo ra các sản phẩm liên quan như quỹ đầu tư theo chỉ số, sản phẩm phái sinh, ... Để biết thêm thông tin xin vui lòng liên hệ qua e-mail: index@hsx.vn
Bản công bố này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin. HOSE đã nỗ lực hết mức có thể để cung cấp thông tin chính xác, tuy nhiên sẽ không có nghĩa vụ pháp lý hoặc trách nhiệm nào cho HOSE cũng như ban giám đốc, cán bộ, nhân viên, đối tác hoặc người nhượng quyền của HOSE liên quan đến sai sót hoặc tổn thất gây ra bởi việc sử dụng bất kỳ thông tin hoặc dữ liệu nào thuộc công bố này.

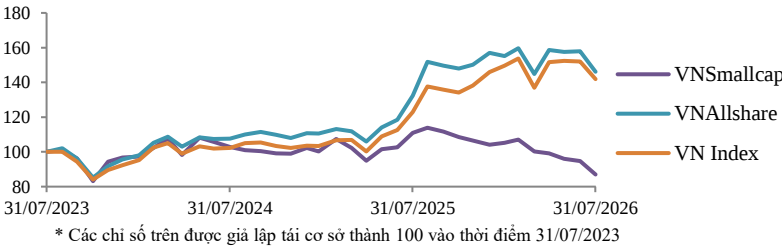


VNSmallcap là chỉ số vốn hóa được thiết kế để đo lường mức tăng trưởng của các công ty có quy mô nhỏ trong VNAllshare.

Đặc điểm chỉ số

	200
Giá trị vốn hóa (Tỷ đồng)	258,310
Giá trị vốn hóa có điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	117,822
Trung bình	589
Cao nhất	5,113
Thấp nhất	9
Trung vị	319
Tỷ trọng vốn hóa của công ty lớn nhất trong rổ	4.34%
Tỷ trọng vốn hóa của 10 công ty lớn nhất trong rổ	24.77%

Tăng trưởng chỉ số từ 31/07/2023 đến 31/07/2026



Tăng trưởng chỉ số

	Tăng trưởng (%)									Tăng trưởng bình quân năm (%)	
	2023	2024	2025	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm	3 năm	5 năm
VNSmallcap	25.06%	5.92%	1.38%	-8.23%	-12.42%	-17.48%	-21.63%	-13.10%	-7.07%	-4.57%	-1.46%

Tỷ trọng vốn hóa thị trường theo ngành



Top 5 ngành đứng đầu theo vốn hóa thị trường

Ngành	Số lượng công ty	GTVH điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
Công nghiệp	58	34,796	29.53%
Nguyên vật liệu	36	18,189	15.44%
Bất động sản	27	15,952	13.54%
Khu vực tiêu dùng	27	13,644	11.58%
Tài chính	13	13,283	11.27%

Thông tin cơ bản

Ngày cơ sở: 24/01/2014
Giá trị cơ sở: 560.19
Hình thức tính: Chỉ số giá và Chỉ số tổng thu nhập
Tần suất tính:
- VNSmallcap: Theo thời gian thực (5 giây/ lần)
- VNSmallcapTRI: Cuối ngày giao dịch (1 ngày/lần)
Giới hạn tỷ trọng vốn hóa: 10%
Phương pháp tính: Giá trị vốn hóa thị trường điều chỉnh free-float.
Đơn vị tiền tệ: VND

Độ biến động chỉ số

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VNSmallcap	5.15%	10.89%	15.72%	30.99%	48.07%

Độ tương quan chỉ số với VN Index

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VNSmallcap	61.51%	78.49%	74.46%	83.35%	82.27%

10 công ty đứng đầu theo vốn hóa thị trường

	Cổ phiếu	Ngành	GTVH điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
1	HAH	Công nghiệp	5,113	4.34%
2	ORS	Tài chính	4,321	3.67%
3	DBD	Chăm sóc sức khỏe	3,742	3.18%
4	PET	Công nghiệp	3,528	2.99%
5	DHC	Nguyên vật liệu	2,622	2.23%
6	IJC	Công nghiệp	2,260	1.92%
7	SAM	Công nghiệp	1,992	1.69%
8	SHI	Công nghiệp	1,903	1.62%
9	TLG	Công nghiệp	1,857	1.58%
10	PTB	Khu vực tiêu dùng	1,850	1.57%
Tổng cộng			29,189	24.77%

Lưu ý:
"VN30", "VNMidcap", "VNSmallCap", "VN100", "VNAllshare" và "VNAllshare Sector" (gọi chung là "HOSE-Index") là thương hiệu đã được đăng ký, thuộc sở hữu độc quyền của Sở GD&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE). Chỉ khi có sự chấp thuận của HOSE thì Bộ chỉ số HOSE-Index mới có thể được sử dụng để tạo ra các sản phẩm liên quan như quỹ đầu tư theo chỉ số, sản phẩm phái sinh, Để biết thêm thông tin xin vui lòng liên hệ qua e-mail: index@hsx.vn
Bản công bố này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin. HOSE đã nỗ lực hết mức có thể để cung cấp thông tin chính xác, tuy nhiên sẽ không có nghĩa vụ pháp lý hoặc trách nhiệm nào cho HOSE cũng như ban giám đốc, cán bộ, nhân viên, đối tác hoặc người nhượng quyền của HOSE liên quan đến sai sót hoặc tổn thất gây ra bởi việc sử dụng bất kỳ thông tin hoặc dữ liệu nào thuộc công bố này.



Sơ lược Quy tắc bộ chỉ số HOSE-Index

Tiêu chí sàng lọc:

1. Tư cách:

- Cổ phiếu có thời gian niêm yết trên HOSE tối thiểu 6 tháng tính đến ngày chốt dữ liệu xem xét.
- Cổ phiếu không thuộc diện bị cảnh báo do vi phạm công bố thông tin, kiểm soát, kiểm soát đặc biệt, tạm ngừng giao dịch (ngoại trừ tạm ngừng giao dịch do thực hiện việc tách/gộp cổ phiếu hoặc chia tách/sáp nhập) trong vòng 03 tháng tính đến ngày chốt dữ liệu xem xét.

2. Tỷ lệ tự do chuyển nhượng (Free-float): Cổ phiếu phải có tỷ lệ free-float cao hơn 10%.

3. Thanh khoản: Cổ phiếu phải có tỷ suất quay vòng chứng khoán tối thiểu là 0.05%.

Phương pháp chọn cổ phiếu vào rổ chỉ số:

1. VNAllshare: Bao gồm tất cả các cổ phiếu đáp ứng các tiêu chí sàng lọc.

2. VN30:

- **Tư cách tham gia vào VN30:** Thuộc tập hợp top 90% Giá trị giao dịch tích lũy của rổ VNAllshare và không thuộc diện bị cảnh báo.
- 20 cổ phiếu lớn nhất theo Giá trị vốn hóa thị trường sẽ được chọn vào VN30. 10 cổ phiếu tiếp theo sẽ được chọn từ các cổ phiếu xếp hạng từ 21 đến 40 theo Giá trị vốn hóa thị trường, các cổ phiếu đã có trong rổ VN30 kỳ trước sẽ được ưu tiên chọn trước.

3. VNMidcap:

- Từ các cổ phiếu của VNAllshare không bao gồm 30 cổ phiếu của VN30, 40 cổ phiếu lớn nhất theo Giá trị vốn hóa thị trường sẽ được chọn vào rổ VNMidcap.
- 30 cổ phiếu tiếp theo sẽ được chọn từ các cổ phiếu xếp hạng từ 41 đến 80 theo Giá trị vốn hóa thị trường, các cổ phiếu đã có trong rổ VNMidcap kỳ trước sẽ được ưu tiên chọn trước.

4. VN100: Bao gồm các cổ phiếu thành phần của chỉ số VN30 và VNMidcap.

5. VNSmallcap: Bao gồm các cổ phiếu còn lại của VNAllshare sau khi loại trừ các cổ phiếu thành phần của chỉ số VN100.

Chuẩn phân ngành GICS®

GICS® (Global Industry Classification Standard) là chuẩn phân ngành dành cho thị trường chứng khoán do S&P kết hợp với MSCI xây dựng. Thông tin về chuẩn phân ngành GICS® được MSCI và S&P chịu trách nhiệm quản lý và công bố.

Các cổ phiếu niêm yết trên HOSE được MSCI và S&P trực tiếp phân ngành và thông tin phân ngành được cập nhật tại trang chủ của HOSE : www.hsx.vn.

Việc xem xét và cập nhật phân ngành cho các cổ phiếu thành phần của Bộ chỉ số ngành sẽ được thực hiện định kỳ 06 tháng/lần vào cùng ngày chốt dữ liệu xem xét định kỳ chỉ số.

